

Bản án số: 46/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17-7-2025
V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình
xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trương Thanh Tuấn
Bà Nguyễn Hồng Cúc
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thái Trang - Là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5 - An Giang.
- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang:** Bà Trần Thùy An - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2025/TLST - HNGĐ, ngày 20 tháng 02 năm 2025 về việc tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 204/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Lê Văn X (tên gọi khác Cho) - Sinh năm: 1984 (Có mặt)
- **Bị đơn:** Bà Lê Thị M - Sinh năm: 1982 (Vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Nay là Ấp M, xã H, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn - ông Lê Văn X trình bày:
Ông và bà M tự tìm hiểu nhau hơn 01 năm thì được gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2004, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Ông và bà M chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 20 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không thống nhất quan điểm trong việc làm kinh tế gia đình dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Mặc dù cả hai đã tự sửa đổi nhưng cũng không thể hàn gắn được tình cảm nên đã chấm dứt quan hệ vợ chồng, không còn quan tâm chăm sóc nhau từ ngày 28/10/2024. Nay ông X cương quyết yêu cầu ly hôn với bà M.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là Lê Văn K - sinh ngày: 08/02/2005, Lê Thị Bích K1 - sinh ngày: 02/6/2012. Hiện cháu K đã trưởng thành, cháu K1 đang chung sống với ông X, ông X yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu K1 và không yêu cầu bà M phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - bà Lê Thị M đã được Tòa án cấp, tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử tiến hành nghị án. Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ, và phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tiến hành trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án cấp, tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227 của bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà M là phù hợp.

Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn giữa ông X và bà M đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông X cương quyết yêu cầu ly hôn, bà M không có ý kiến và không đưa ra được giải pháp để hàn gắn mâu thuẫn nên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho ông X được ly hôn với bà M.

Về con chung: Cháu K đã trưởng thành, cháu K1 đang chung sống với ông X, ông X yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu K1 và không yêu cầu bà M phải cấp dưỡng nuôi con.

Do đó đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu K1 cho anh X tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Do ông X không yêu cầu bà M phải cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí: Buộc ông X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Lê Văn X khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung với bà Lê Thị M. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình - xin ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân

Tối cao, Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục.

Quá trình giải quyết vụ án, bà M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhưng bà M vắng mặt không rõ lý do. Xét thấy sự vắng mặt của bà M không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà M theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân:

Ông Lê Văn X và bà Lê Thị M cưới nhau vào năm 2004, ông bà có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Ông X xác định cuộc sống vợ chồng hạnh phúc khoảng 20 năm, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn trong việc làm kinh tế gia đình, vợ chồng không có sự tin tưởng, quan tâm chăm sóc nhau. Ông và bà M đã ly thân từ ngày 28/10/2024 cho đến nay.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.....”*. Ông bà đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng không sống chung trong một khoảng thời gian dài, không quan tâm, chăm sóc nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn.

Quá trình giải quyết vụ án, bà M không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông X và không đến Tòa án tham gia tố tụng nên có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của ông X và bà M ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chấp nhận cho ông Lê Văn X được ly hôn với bà Lê Thị M.

[2.2] Về con chung:

Theo trình bày của ông Lê Văn X và giấy khai sinh có cơ sở xác định vợ chồng có 02 con chung là Lê Văn K - sinh ngày: 08/02/2005, Lê Thị Bích K1 - sinh ngày: 02/6/2012. Hiện cháu K đã trưởng thành, cháu K1 đang chung sống với ông X, ông X yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu K1 và không yêu cầu bà M phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy hiện cháu K1 đang chung sống ổn định với ông X, cháu K1 đã trên 07 tuổi và có văn bản thể hiện nguyện vọng chung sống với ông X do đó áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu K1 cho ông X tiếp tục nuôi dưỡng.

Bà M được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng:

Do ông X không yêu cầu bà M phải cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung:

Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí:

Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

Ông X phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0012908 ngày 20/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao,

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Lê Văn X được ly hôn với bà Lê Thị M.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Bích K1 - sinh ngày: 02/6/2012 cho ông X tiếp tục nuôi dưỡng.

Bà M được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Ông X phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0012908 ngày 20/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, ông X được tính kể từ ngày tuyên án là ngày 17-7-2025. Bà M được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSNDKV5-AG;
- Phòng THADS KV5-AG;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thúy An

